

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 04/TT-NH1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 1995

THÔNG TƯ
CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
Hướng dẫn thực hiện quy chế dự trữ bắt buộc

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước đã ký quyết định số 260/QĐ-NH1 ngày 19 tháng 9 năm 1995 ban hành "Quy chế dự trữ bắt buộc đối với tổ chức tín dụng" và quyết định số 261/QĐ-NH1 ngày 19 tháng 9 năm 1995 "về tỷ lệ và cơ cấu DTBB đối với TCTD". Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hướng dẫn thêm một số điểm cụ thể việc thực hiện như sau:

1. Đối tượng thi hành quy chế dự trữ bắt buộc (DTBB), bao gồm:

- Ngân hàng thương mại quốc doanh.
- Ngân hàng thương mại cổ phần đô thị.
- Chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng liên doanh hoạt động tại Việt Nam.
- Công ty Tài chính.

Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn, Hợp tác xã tín dụng, Quỹ tín dụng nhân dân thí điểm trước mắt tạm thời chưa phải thực hiện quy định về DTBB.

Trường hợp Tổ chức tín dụng (TCTD) bị đặt vào tình trạng bảo tồn hoặc phá sản, trong thời gian chưa chấm dứt hoạt động, tùy trường hợp cụ thể Ngân hàng Nhà nước có thể xem xét chấp thuận cho TCTD đó được rút một phần hoặc toàn bộ tiền DTBB.

2. Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước hoặc chi nhánh NHNN tỉnh, Thành phố nơi TCTD đặt trụ sở và mở tài khoản chính, hạch toán số tiền gửi DTBB vào tài khoản tiền gửi không kỳ hạn (phần tiền DTBB phải gửi ở NHNN theo quy định).

3. Đối với các TCTD có huy động tiền gửi bằng ngoại tệ, thực hiện DTBB cũng theo tỷ lệ 10% tính trên số dư bình quân tiền gửi ngoại tệ huy động được. Tiền DTBB bằng ngoại tệ được tập trung gửi vào tài khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ tại Sở giao dịch NHNN Việt Nam (mức tối thiểu 70% tổng số tiền DTBB).

4. Căn cứ để tính DTBB bằng VNĐ là tiền gửi hoặc có tính chất tiền gửi thể hiện trên bảng cân đối tài khoản kế toán tổng hợp của TCTD (gồm hoạt động của trung tâm, các hội sở và các chi nhánh trực thuộc).

Các loại tiền gửi và có tính chất tiền gửi sau đây là căn cứ để tính DTBB:

- Tiền gửi kho bạc Nhà nước.
- Tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn đến 12 tháng.
(Kể cả tiền gửi của công ty Vàng bạc và Đá quý).
- Tiền gửi vốn chuyên dùng.
- Tiền gửi của các tổ chức và người nước ngoài.
- Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn đến 12 tháng.
- Tiền gửi tiết kiệm khác.
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, phát hành kỳ phiếu, phát hành trái phiếu các loại có kỳ hạn đến 12 tháng.
- Tiền quản lý và giữ hộ.

Cụ thể gồm các tài khoản: 2121, 3611, 3612, 3613, 3614, 3711, 3712, 3719, 441, 442, 449, 381.

Trong thời gian trước mắt, tạm thời không tính DTBB đối với các loại tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng.

5. Cách tính số tiền dự trữ bắt buộc:

5.1. Kỳ tính DTBB ở đây, quy định là 15 ngày một kỳ (tháng 2 kỳ).

5.2. Công thức tính số tiền phải DTBB trong kỳ:

Số tiền Số dư tiền gửi

phải DTBB = bình quân x Tỷ lệ DTBB

trong kỳ kỳ trước

Số tiền phải DTBB trong kỳ là căn cứ để NHNN thông báo hạn mức phải DTBB kỳ tiếp theo của TCTD, đồng thời là căn cứ để kiểm tra và xử lý việc chấp hành hạn mức DTBB của kỳ trước theo điểm 7 dưới đây.

5.3. Cách tính số dư tiền gửi bình quân kỳ trước:

Căn cứ số dư có các tài khoản nói tại điểm 4 của bảng cân đối tài khoản kế toán kỳ trước, để tính theo công thức:

Số dư tiền gửi Tổng số dư tiền gửi 15 ngày kỳ trước

bình quân = -----

kỳ trước 15

Ví dụ: Tính DTBB kỳ 1 tháng 8-95 cho TCTD A:

Giả sử: Tổng số dư trên các tài khoản tiền gửi của 15 ngày kỳ trước, nói tại điểm 4 trên là 18.000 tỷ đồng. Như vậy số dư tiền gửi bình quân kỳ trước của tổ chức tín dụng A là:

18.000

----- = 1.200 (tỷ đồng)

15

Với tỷ lệ DTBB 10% thì số tiền phải DTBB trong kỳ của tổ chức tín dụng A là:

1.200 x 10

----- = 120 (tỷ đồng)

100

5.4. Cơ cấu tiền DTBB của TCTD được xác định như sau:

5.4.1. Số tiền DTBB của TCTD phải gửi tại tài khoản tiền gửi không kỳ hạn ở NHNN, quy định tối thiểu là 70% tổng số tiền DTBB của TCTD.

Như ví dụ trên, tính được là:

120 x 70

----- = 84 (tỷ đồng)

100

5.4.2. Tiền mặt tồn quỹ và Ngân phiếu thanh toán còn giá trị lưu hành tại TCTD, quy định tối đa 30% tổng số tiền DTBB của TCTD.

Như ví dụ trên, tính được là:

120 x 30

----- = 36 (tỷ đồng)

100

5.4.3. Số tiền phải DTBB trong kỳ là: 84 + 36 = 120 (tỷ đồng)

Trong đó 84 tỷ đồng là hạn mức tối thiểu mà TCTD phải thường xuyên duy trì trên tài khoản tiền gửi không kỳ hạn tại NHNN.

5.4.4. Trường hợp TCTD thực hiện dưới mức quy định tại điểm 5.4.2. trên đây, thì phải tăng tương ứng số tiền ở tài khoản tiền gửi không kỳ hạn tại NHNN (tăng tương ứng số tiền ở điểm 5.4.1).

6. Xác định thừa, thiếu dự trữ bắt buộc.

Căn cứ báo cáo của TCTD, Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước hoặc chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố, nơi TCTD mở tài khoản tiền gửi chính, thực hiện đối chiếu giữa hai đại lượng a và b sau đây để xử lý theo điều 7 của Thông tư này.

a. Tổng số dư bình quân của các tài khoản: tiền gửi không kỳ hạn tại NHNN; tiền mặt và Ngân phiếu thanh toán còn giá trị lưu hành tại TCTD (chỉ được tính tối đa là 30% tổng số tiền DTBB).

b. Số tiền phải DTBB trong kỳ.

Cách tính số dư bình quân các tài khoản nói tại điểm a, tính theo công thức tại điểm 5.3.

7. Xử lý thừa, thiếu tiền dự trữ bắt buộc.

7.1. Trường hợp thiếu (a

7.2. Trường hợp thừa ($a > b$), Ngân hàng Nhà nước tính toán trả lãi cho số vượt trên tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của TCTD theo mức lãi suất hiện hành, kể từ ngày đầu kỳ đến ngày tính DTBB.

8. Căn cứ để tính DTBB bằng ngoại tệ là tiền gửi hoặc có tính chất tiền gửi, thể hiện trên bảng cân đối tài khoản kế toán tổng hợp của TCTD, cụ thể gồm các tài khoản kế toán: 207, 2122, 3621, 3622, 3623, 3624, 3721, 3722, 441, 442, 449.

- Tiền gửi của NHNN bằng ngoại tệ.
- Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước bằng ngoại tệ.
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ, tiền gửi có kỳ hạn đến 12 tháng bằng ngoại tệ.
- Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ.
- Tiền gửi của các tổ chức và người nước ngoài bằng ngoại tệ.
- Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ, tiết kiệm có kỳ hạn đến 12 tháng bằng ngoại tệ.

- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, phát hành kỳ phiếu, phát hành các loại trái phiếu khác bằng ngoại tệ có kỳ hạn đến 12 tháng.

Tiền gửi ngoại tệ làm cơ sở tính DTBB các loại ngoại tệ tự do chuyển đổi, được quy thành USD và thực hiện DTBB bằng USD.

Cách tính số tiền DTBB bằng ngoại tệ và xử lý thừa, thiếu DTBB bằng ngoại tệ như cách tính và xử lý bằng đồng Việt Nam, nói tại các điểm 5, 6, 7 của Thông tư này.

9. Khiếu nại và thẩm quyền giải quyết.

9.1. Tổ chức tín dụng được quyền khiếu nại, kể cả khiếu nại lên Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về các quyết định xử lý chưa thoả đáng về chấp hành quy chế DTBB.

9.2. Chậm nhất sau 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn khiếu nại về DTBB của TCTD, Giám đốc chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố hoặc Giám đốc sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước khẩn trương xem xét giải quyết hoặc phải thỉnh thị lên Ngân hàng Nhà nước Trung ương, trong thời gian chưa được giải quyết TCTD phải chấp hành quyết định xử lý của Ngân hàng Nhà nước.

10. Vào ngày 05 và ngày 20 hàng tháng (sau 5 ngày của kỳ tính DTBB) Chi nhánh NHNN tỉnh, Thành phố và Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước gửi báo cáo tình hình chấp hành DTBB về Vụ các định chế tài chính NHNN Việt Nam, Vụ các định chế tài chính tổng hợp báo cáo Thống đốc về chấp hành DTBB của các TCTD (theo mẫu đính kèm thông tư này); đồng thời gửi các đơn vị:

- Vụ Nghiên cứu kinh tế NHNN (01 bản)

- Thanh tra NHNN (01 bản).

11. Tổ chức thực hiện:

11.1. Sở Giao dịch và chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố từng định kỳ theo dõi tính toán và thông báo mức DTBB cho các tổ chức tín dụng, trong đó phần tối thiểu 70% phải gửi tại NHNN là hạn mức tối thiểu, các tổ chức tín dụng phải đảm bảo đầy đủ, thường xuyên trên tài khoản tiền gửi không kỳ hạn tại NHNN.

Trường hợp cần thiết TCTD có thể được phép sử dụng một phần thuộc hạn mức DTBB để đáp ứng khả năng thanh toán, nhưng tối đa không được vượt quá 5% hạn mức, đồng thời phải có biện pháp bù đắp ngay trong ngày. Nếu trong ngày TCTD không thực hiện bù đắp đủ hạn mức